

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 5 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 61/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Đỗ Hiệp P, sinh năm 1995.

Địa chỉ: 105D ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Bùi Quốc T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 231/1 đường 30/4, phường 4, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị Bé N, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Minh B, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 17, tờ bản đồ 5, diện tích 289,2m² tại xã L, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre được ký kết giữa ông Bùi Quốc T, bà Nguyễn Thị Bé N với bà Trần Thị P ngày 01/11/2019 được công chứng tại văn phòng công chứng Nguyễn Văn M.

- Ông Bùi Quốc T, bà Nguyễn Thị Bé N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị P số tiền 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà P không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007731 và 25.314.000 đồng (hai mươi lăm triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007733 cùng ngày 10/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

+ Ông T và bà N phải chịu là 25.800.000 đồng (hai mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ngô Thị Gấm